

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số: **56** /2018-TH1-NCBTT
V/v: CBTT BCTC kiểm toán năm 2017 của
trụ sở chính công ty

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Điện thoại: 024.38264009 Fax: 024.38259894
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Thị Quyên**
Địa chỉ: số 60 phố, phố Yên Bái 1, phường Phố Huế Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
6. Nội dung thông tin công bố: BCTC kiểm toán năm 2017 của trụ sở chính Công ty. Công ty xin giải trình nguyên nhân lỗ năm 2017 của Trụ sở chính Công ty như sau:
 - Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế: -141.297.834.183 đồng
 - Trích lập dự phòng công nợ phải thu: 175,08 tỷ
 - Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính: 46,87 tỷ
 - Lãi vay ngân hàng: 24,71 tỷ
 - Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, khác: 12 tỷ

Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: www.generalexim.com.vn vào ngày 29/03/2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu VP.

Người thực hiện công bố thông tin





BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN

XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

A member of **HLB** International

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính Văn phòng đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng	11-41

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính Văn phòng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch	
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên	
Ông Trần Văn Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/11/2017
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Sinh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính Văn phòng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính Văn phòng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Văn phòng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính Văn phòng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính Văn phòng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính Văn phòng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

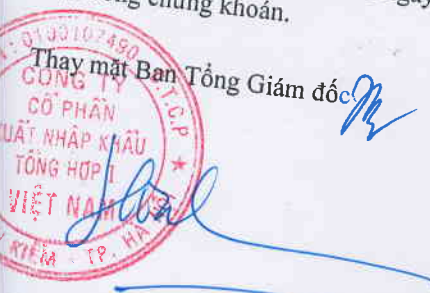
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Văn phòng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính Văn phòng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính Văn phòng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 31 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Văn phòng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Văn phòng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Văn phòng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Văn phòng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Văn phòng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Văn phòng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính Văn phòng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2017, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 216 tỷ, lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính là 275,76 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 92,026 tỷ đồng và toàn bộ các khoản vay vốn của ngân hàng đã quá hạn thanh toán, các khoản nợ quá hạn không có khả năng thu hồi tăng lên... Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
220	II. Tài sản cố định		2.064.811.356	13.229.623.819
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.064.811.356	13.229.623.819
222	- Nguyên giá		13.179.935.786	28.172.299.055
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.115.124.430)	(14.942.675.236)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	129.784.190.326	133.207.102.922
231	- Nguyên giá		148.859.855.420	149.478.739.170
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.075.665.094)	(16.271.636.248)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.163.378.596	3.202.014.960
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.163.378.596	3.202.014.960
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	33.809.408.199	27.461.814.371
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.968.895.429	20.968.895.429
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.100.000.000	6.700.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.259.487.230)	(207.081.058)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.562.812.122	4.714.905.858
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.562.812.122	4.714.905.858
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		818.554.472.982	942.808.644.606

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính Văn phòng


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		910.580.687.385	894.354.869.481
310	I. Nợ ngắn hạn		861.077.339.979	834.607.321.343
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	25.345.976.370	27.382.253.512
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	130.551.555	48.210.011.095
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	-	54.214.750
314	4. Phải trả người lao động		439.455.122	483.331.757
316	5. Phải trả nội bộ ngắn hạn		16.801.237.032	16.338.246.368
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	167.148.568.428	93.723.925.100
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	650.845.597.161	647.894.549.450
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		365.954.311	520.789.311
330	II. Nợ dài hạn		49.503.347.406	59.747.548.138
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	10.345.846.500	10.598.937.732
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	10.641.500.906	10.632.610.406
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	28.516.000.000	38.516.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(92.026.214.403)	48.453.775.125
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(92.026.214.403)	48.453.775.125
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(275.768.331.966)	(135.288.342.438)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(134.404.816.856)	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(141.363.515.110)	(135.288.342.438)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		818.554.472.982	942.808.644.606


Lê Thị Thu Hương
Người lập


Mai Thu Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc





Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	151.209.465.494	138.234.338.323
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	417.384.691	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		150.792.080.803	138.234.338.323
11	4. Giá vốn hàng bán	25	130.597.560.549	126.569.265.175
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.194.520.254	11.665.073.148
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	52.611.875.853	69.327.870.479
22	7. Chi phí tài chính	27	32.363.205.852	128.118.323.856
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		76.263.768.346	89.305.652.714
25	8. Chi phí bán hàng	28	7.625.138.784	7.719.793.530
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	185.174.777.627	73.057.273.392
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(152.356.726.156)	(127.902.447.151)
31	11. Thu nhập khác	30	12.309.889.618	2.787.130.301
32	12. Chi phí khác	31	769.627.653	9.394.711.338
40	13. Lợi nhuận khác		11.540.261.965	(6.607.581.037)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(140.816.464.191)	(134.510.028.188)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	481.369.992	214.238.108
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(141.297.834.183)	(134.724.266.296)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	(10.448)	(9.992)


Lê Thị Thu Hương
Người lập


Mai Thu Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc




Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		135.872.441.067	167.489.235.336
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(132.710.787.296)	(121.251.367.804)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.257.306.686)	(6.153.892.000)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	(27.158.421.657)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(481.369.992)	(214.238.108)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.195.907.614	16.929.674.353
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.308.446.845)	(27.940.901.020)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.689.562.138)	1.700.089.100
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.974.668.556)	(4.090.474.922)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.000.000.000	656.363.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000)	(350.000.000)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.500.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.107.452.263	23.792.207.343
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.032.783.707	14.508.096.057
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(5.870.178.047)	(19.138.712.578)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.870.178.047)	(19.138.712.578)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.473.043.522	(2.930.527.421)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.778.413.718	5.696.555.592
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		22.869.544	12.385.547
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	4.274.326.784	2.778.413.718


Lê Thị Thu Hương
Người lập


Mai Thu Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê....;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Văn phòng

Trong năm 2017, thị trường tài chính khởi sắc nên một số khoản đầu tư tài chính của Công ty đã được trích lập dự phòng từ năm trước nay được hoàn nhập với giá trị hoàn nhập trong năm là 46,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay của một số ngân hàng được điều chỉnh giảm mức lãi suất dẫn đến chi phí tài chính trong năm của Công ty giảm so với cùng kỳ năm 2016. Tuy nhiên, một số khoản phải thu của Công ty không có khả năng thu hồi nên Công ty tiếp tục trích lập dự phòng nợ khó đòi dẫn đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2017 lỗ 141,29 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính với số tiền là 275,76 tỷ đồng và các khoản vay Ngân hàng thương mại đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 640,85 tỷ đồng và khoản lãi vay phải trả tương ứng 151,97 tỷ đồng. Các thông tin trên cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn thông qua việc tái cơ cấu nợ với ngân hàng, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, và thanh lý một số khoản đầu tư, tài sản của Công ty. Do vậy Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Trong năm 2017, Công ty cũng đã tiến hành giải thể một số Chi nhánh gồm: Chi nhánh tại Thường Tín, Thành phố Hà Nội; Chi nhánh Đà Nẵng, Văn Phòng đại diện tại Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai. Hiện tại các chi nhánh này đã hoàn tất việc đóng mã số thuế.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Gia công hàng may mặc

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính Văn phòng

Báo cáo tài chính Văn phòng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính Văn phòng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính Văn phòng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính Văn phòng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa). Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 2% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. Bên TH1 là bên thực hiện kế toán.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là TH1) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn và Phụ lục hợp đồng số 05/2017/HĐHT/TH1-HFC ngày 01/09/2017 có hiệu lực đến ngày 31/03/2018 và đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư. Bên thực hiện kế toán là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

SOIT
CÔNG
TẬP HU
ANG K
A
TOAN

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	70.970.624	139.566.897
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.203.356.160	2.638.846.821
	4.274.326.784	2.778.413.718

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	172.281.569.834	168.589.203.500	(3.692.366.334)	175.358.609.834
<i>Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn</i>	348.600	103.500	(245.100)	348.600
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển du lịch</i>	-	-	-	3.077.040.000
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall</i>	9.300.372.093	5.783.600.000	(3.516.772.093)	9.300.372.093
<i>Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam</i>	162.980.849.141	162.805.500.000	(175.349.141)	162.980.849.141
	172.281.569.834	168.589.203.500	(3.692.366.334)	175.358.609.834
				Giá trị hợp lý
				122.746.475.800
				(52.612.134.034)

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
Đầu tư vào đơn vị khác	15.100.000.000	(2.259.487.230)	6.700.000.000	(207.081.058)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	1.200.000.000	(211.804.715)	1.200.000.000	(207.081.058)
- Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1	8.400.000.000	(2.047.682.515)	-	-
	36.068.895.429	(2.259.487.230)	27.668.895.429	(207.081.058)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40%	40%	Cho thuê văn phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	23.932.288.353
- Công ty cổ phần Thép Việt Thanh	8.158.626.921	8.158.626.921
- Công ty Cổ phần Thực phẩm C . M . T	35.959.721.230	9.953.675.362
- Công ty cổ phần dầu khí và khoáng sản VITECH	8.345.780.880	8.695.780.880
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.297.708.832	23.497.208.999
	<u>99.694.126.216</u>	<u>74.237.580.515</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV SXTM Khanh Thụy U.S	3.407.264.821	3.407.264.821
- Công ty TNHH Thương Mại Trúc Tâm	1.409.374.537	1.409.374.537
- Công ty cổ phần Xanh Cà phê	1.329.734.476	1.329.734.476
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	4.359.664.601
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	29.787.510.769
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	81.832.187.384
- Doanh nghiệp tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	5.258.146.104
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	54.585.659.678
- Công ty TNHH Đại Phước Tài	1.987.949.002	2.027.949.002
- NGP NEW GLOBAL PROPERTY GMBH	-	27.589.256.019
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	35.635.700.361
- Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại Tỉnh Nên	2.006.054.268	2.006.054.268
- Các khoản phải thu khách hàng khác	45.686.599.248	38.534.651.987
	<u>267.265.845.249</u>	<u>287.763.154.007</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính Văn phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
7 . PHẢI THU KHÁC				
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	402.723.838.703	1.548.661.868	361.225.392.973	-
- Phải thu người lao động	106.921.865.596	-	9.988.800.000	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	13.196.199	-	55.456.865.596	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	2.474.288	-	254.476.236	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	1.649.525	-	-	-
- Tạm ứng	2.578.978.680	-	2.433.602.925	-
- Ký cược, ký quỹ	643.354.073	-	644.230.394	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	1.548.661.868	1.548.661.868	-
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.846.000.000	-	2.846.000.000	-
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	282.000.000.000	-	282.000.000.000	-
- Phải thu Nguyễn Xuân Nam	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Phải thu khác	1.167.658.474	-	1.052.755.954	-
	402.723.838.703	1.548.661.868	361.225.392.973	-
b) Dài hạn				
- Phải thu Bà Phạm Thị Thùy	100.000.000	-	8.500.000.000	-
- Phải thu Ông Đặng Hùng Long	100.000.000	-	100.000.000	-
	-	-	8.400.000.000	-
	402.823.838.703	1.548.661.868	369.725.392.973	-

(*): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn "cổ phiếu thuộc danh mục thoái vốn của Công ty SCIC" và Phụ lục hợp đồng số 05/2017/HĐHT/TH1-HFC ngày 01/09/2017 có hiệu lực đến ngày 31/03/2018, hợp tác đầu tư với điều kiện đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính Văn phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm C . M . T	35.959.721.230	-	9.953.675.362	9.953.675.362
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	-	54.585.659.678	-
- Công ty TNHH MTV SXTM Khanh Thụy U.S	3.407.264.821	-	3.407.264.821	-
- Doanh Nghiệp tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	-	5.258.146.104	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản Mai Linh	6.010.353.102	-	6.010.353.102	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	-	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.345.780.880	-	-	-
- Công ty TNHH Xuất nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	-	-
- Các khoản khác	36.138.596.129	549.156.028	25.780.758.713	1.175.881.182
	329.031.835.732	549.156.028	166.874.283.823	11.129.556.544

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	111.416.760	-	-	-
Hàng hoá	3.645.519.257	-	21.754.697.564	-
	3.756.936.017	-	21.754.697.564	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công trình Khu Lũy Bán Bích tại Quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	3.163.378.596	3.163.378.596
- Dự án Tiêu Đắc Nông	-	38.636.364
	3.163.378.596	3.202.014.960

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	21.897.783.359	1.914.137.547	4.091.500.455	268.877.694	28.172.299.055
- Mua trong năm	269.724.718	2.791.059.003	-	-	3.060.783.721
- Thanh lý, nhượng bán	(17.740.712.826)	(258.925.074)	-	(53.509.090)	(18.053.146.990)
Số dư cuối năm	4.426.795.251	4.446.271.476	4.091.500.455	215.368.604	13.179.935.786
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.367.802.960	1.914.137.547	2.391.857.035	268.877.694	14.942.675.236
- Khấu hao trong năm	486.375.455	2.150.594.843	359.112.208	-	2.996.082.506
- Thanh lý, nhượng bán	(6.511.199.148)	(258.925.074)	-	(53.509.090)	(6.823.633.312)
Số dư cuối năm	4.342.979.267	3.805.807.316	2.750.969.243	215.368.604	11.115.124.430
Giá trị còn lại	11.529.980.399	-	1.699.643.420	-	13.229.623.819
Tại ngày đầu năm	83.815.984	640.464.160	1.340.531.212	-	2.064.811.356
Tại ngày cuối năm					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 882.475.981 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.608.783.699 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 VND.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá 148.859.855.420 VND; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2017 là 19.075.665.094 VND, trong đó khấu hao trong năm là 3.422.912.596 VND. Trong đó: Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 128.217.152.414 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	156.986.490
	<u>-</u>	<u>156.986.490</u>
b) Dài hạn		
Quyền sử dụng đất có thời hạn	4.562.812.122	4.714.905.858
	<u>4.562.812.122</u>	<u>4.714.905.858</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	nợ
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2-Vinaconex	24.991.276.834	24.991.276.834	26.420.648.778	26.420.648.778
Phải trả các đối tượng khác	354.699.536	354.699.536	961.604.734	961.604.734
	<u>25.345.976.370</u>	<u>25.345.976.370</u>	<u>27.382.253.512</u>	<u>27.382.253.512</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Phố Wall	-	27.004.807.473
Công ty TNHH Tân Phương Đông	-	11.000.000.000
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	-	9.000.000.000
Người mua trả tiền trước khác	130.551.555	1.205.203.622
	<u>130.551.555</u>	<u>48.210.011.095</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	2.565.325.620	2.565.325.620	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	816.341.895	816.341.895	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	481.369.992	481.369.992	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	54.214.750	197.199.837	251.414.587	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-	2.669.864.743	2.669.864.743	140.130.000	-
Các loại thuế khác	-	-	5.500.000	5.500.000	-	-
	140.130.000	54.214.750	6.735.602.087	6.789.816.837	140.130.000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng

<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
VND	VND
10.345.846.500	10.598.937.732
<u>10.345.846.500</u>	<u>10.598.937.732</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

- Kinh phí công đoàn
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả
- Phải trả lãi vay
- **Phí bảo trì** tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội
- Phải trả Lợi nhuận từ hợp tác cho Kowa
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
VND	VND
271.382.876	259.264.178
2.640.000	3.960.000
1.210.823.455	1.210.823.455
151.978.231.820	75.714.463.474
2.102.447.635	2.878.523.635
65.680.927	2.058.063.898
11.517.361.715	11.598.826.460
<u>167.148.568.428</u>	<u>93.723.925.100</u>

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

641.500.906	632.610.406
10.000.000.000	10.000.000.000
<u>10.641.500.906</u>	<u>10.632.610.406</u>

5-C
 TY
 M. HỒ H
 KIỂM T
 ASI
 KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính Văn phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn bằng VND	284.178.207.158	284.178.207.158	-	2.178.207.158	282.000.000.000	282.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD (2)	1.658.207.158	1.658.207.158	-	1.658.207.158	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (4)	282.000.000.000	282.000.000.000	-	-	282.000.000.000	282.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản - Tổng hợp I	520.000.000	520.000.000	-	520.000.000	-	-
Vay ngắn hạn bằng USD	348.278.342.292	348.278.342.292	8.303.080	2.670.240.451	345.616.404.921	345.616.404.921
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD (1)	48.151.294.968	48.151.294.968	-	116.205.407	48.035.089.561	48.035.089.561
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD (2)	37.837.137.839	37.837.137.839	8.303.080	1.444.730.020	36.400.710.899	36.400.710.899
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội (3)	131.472.256.512	131.472.256.512	-	374.811.258	131.097.445.254	131.097.445.254
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (4)	19.971.844.765	19.971.844.765	-	61.290.186	19.910.554.579	19.910.554.579
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai (5)	45.919.448.996	45.919.448.996	-	273.856.998	45.645.591.998	45.645.591.998
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (6)	64.926.359.212	64.926.359.212	-	399.346.582	64.527.012.630	64.527.012.630
Nợ dài hạn đến hạn trả	15.438.000.000	15.438.000.000	10.000.000.000	2.208.807.760	23.229.192.240	23.229.192.240
- Nợ dài hạn đến hạn trả	15.438.000.000	15.438.000.000	10.000.000.000	2.208.807.760	23.229.192.240	23.229.192.240
Vay dài hạn	647.894.549.450	647.894.549.450	10.008.303.080	7.057.255.369	650.845.597.161	650.845.597.161
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD (7)	53.954.000.000	53.954.000.000	-	2.208.807.760	51.745.192.240	51.745.192.240
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	53.954.000.000	53.954.000.000	-	2.208.807.760	51.745.192.240	51.745.192.240
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	(15.438.000.000)	(15.438.000.000)	(10.000.000.000)	(2.208.807.760)	(23.229.192.240)	(23.229.192.240)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	38.516.000.000	38.516.000.000			28.516.000.000	28.516.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/134855/HDTD ngày 04/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng tại thời điểm vay là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn duy trì hạn mức từ 04/10/2014 đến 30/09/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
 - Thế chấp tài sản gắn liền với đất tại phường Đông Hải, quận Hải An, TP.Hải Phòng;
 - Thế chấp xe ô tô Audi A6 (biển kiểm soát 29A-066.28) và xe ô tô Toyota Camry (biển kiểm soát 30H-5732);
 - Thế chấp quyền sở hữu khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội;
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác mà bên vay là người thụ hưởng và các khoản thu hợp pháp khác của bên vay, tất cả các tài sản thuộc và sẽ thuộc quyền quản lý hoặc sở hữu của bên vay như: hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sở hữu đất, vốn góp, tài sản khác khi có yêu cầu của ngân hàng;
 - Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án Khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội. Giá trị hiện tại là 105.986.000.000 đồng;
 - + Số dư nợ gốc tại 31/12/2017 là 2.112.825,58 USD (tương đương 48.035.089.561 VND).
- (2) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số KHTHI140256/HM ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 19/12/2014;
 - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm đối với khoản vay VND, 5%/năm đối với khoản vay USD;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2017 là: 1.601.086,91 USD (tương đương 36.400.710.899 VND).
- (3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 2226.1/TB-HDTD ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 23/07/2014 đến ngày 23/07/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về từ các hợp đồng kinh tế mà Ngân hàng tài trợ vốn/phát hành LC xuất khẩu/bảo lãnh;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2017 là: 5.766.327,04 USD (tương đương 131.097.445.254 VND).

- (4) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 19/09/2014 đến ngày 19/09/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m² đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m² đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2017 là: 282.000.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 19.910.554.579 VND).
- (5) Khoản vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai theo hợp đồng tín dụng số 1240LAV201500065 ngày 25/02/15, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 23/01/2016, thời hạn vay được quy định theo từng lần nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay theo quy định của Agribank và Agribank chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2017 là: 2.007.281,97 USD (tương đương 45.645.591.998 VND).
- (6) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số Số: 01/2015-HĐTDHM/NHCT106 - GENERALEXIM ngày 05/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh xuất nhập khẩu;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng vay có hiệu lực từ ngày 15/9/2015 đến 31/8/2016, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay của từng khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh một tháng 1 lần, Lãi suất phạt nợ gốc là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà bên vay hoặc tổ chức, cá nhân khác ký kết với bên cho vay hoặc các biện pháp đảm bảo khác (Hợp đồng đảm bảo) cụ thể:
 - Các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được đảm bảo gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này;
 - Các hợp đồng đảm bảo được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này;
 - + Số dư nợ vay tại 31/12/2017 là: 2.837.599,50 USD (tương đương 64.527.012.630 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (7) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTĐH ngày 20/07/2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng dài hạn số: 04.134855.2015 ngày 13/2/2015 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
 - + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 25/12/2020;
 - + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 51.745.192.240 VND, số dư nợ gốc phải trả trong năm 2018 là 23.229.192.240 VND.

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Vay	640.845.597.161	151.978.231.820	647.374.549.450	75.714.463.474
	640.845.597.161	151.978.231.820	647.374.549.450	75.714.463.474

Lý do chưa thanh toán: Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm có những khó khăn nhất định, mặt khác việc thu hồi nợ của Công ty gặp khó khăn nên trong thời gian tạm thời Công ty chưa có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính Văn phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	158.549.656.217	(140.457.566.620)	177.893.785.855
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(134.724.266.296)	(134.724.266.296)
Lợi nhuận từ các Chi nhánh	-	-	-	-	-	5.848.331.708	5.848.331.708
Giảm khác	-	-	-	-	(134.609.234.912)	134.609.234.912	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(564.076.142)	(564.076.142)
Số dư cuối năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(135.288.342.438)	48.453.775.125
Số dư đầu năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(135.288.342.438)	48.453.775.125
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(141.297.834.183)	(141.297.834.183)
Lợi nhuận từ các Chi nhánh	-	-	-	-	-	982.296.251	982.296.251
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(164.451.596)	(164.451.596)
Số dư cuối năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(275.768.331.966)	(92.026.214.403)

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/DHĐCĐ - 2016 ngày 08 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc dùng Quỹ đầu tư phát triển để xử lý tài chính đối với khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2015 với số tiền là 134.609.234.912 đồng.

(*) Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là THI) cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được phân bổ đều (50/50) giữa THI và Kowa và được chi trả trong vòng 60 ngày sau khi kết thúc kỳ kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bà Lê Thị Lan	20,73%	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000
Ông Nguyễn Văn Huyền	19,91%	26.961.230.000	19,91%	26.961.230.000
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	15,88%	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000
Các cổ đông khác	43,48%	58.865.820.000	43,48%	58.865.820.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	410.000	0,00%	410.000
	100%	135.392.670.000	100%	135.392.670.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	135.392.670.000	135.392.670.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41	41
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.539.226	13.539.226
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	23.940.421.305	23.940.421.305

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	132.331,49	74.855,17
- Đồng Euro (EUR)	3.882,38	4.681,23
- Đồng yên nhật (JPY)	55.110,00	56.562

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	134.767.184.296	120.064.459.280
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.442.281.198	15.442.606.316
Doanh thu chuyển nhượng tài sản trên đất	-	2.727.272.727
	151.209.465.494	138.234.338.323

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	417.384.691	-
	417.384.691	-

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	127.174.647.953	122.502.571.206
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.422.912.596	2.410.611.780
Giá trị còn lại của tài sản trên đất	-	1.656.082.189
	130.597.560.549	126.569.265.175

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	118.652.263	498.960.556
Cổ tức, lợi nhuận được chia	51.465.000.000	65.157.116.667
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	66.439.528	391.948.262
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	961.784.062	3.279.844.994
	52.611.875.853	69.327.870.479

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	76.263.768.346	89.305.652.714
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.233.540.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	716.170.081	126.380.199
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	7.342.561.378
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(46.867.361.528)	31.303.217.079
Chi phí tài chính khác	17.088.953	40.512.486
	32.363.205.852	128.118.323.856

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.950.124.275	3.518.283.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	524.238.561	951.609.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.673.019.660	2.609.846.038
Chi phí khác bằng tiền	477.756.288	640.054.765
	7.625.138.784	7.719.793.530

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.997.512.046	4.866.632.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.861.819	164.004.162
Thuế, phí, lệ phí	153.096.800	628.298.758
Chi phí dự phòng	175.076.548.715	64.008.896.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.275.536.262	3.271.046.648
Chi phí khác bằng tiền	504.221.985	118.394.328
	185.174.777.627	73.057.273.392

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý kho, tài sản hợp tác	11.416.486.323	658.545.454
Thu nhập từ xử lý nợ phải trả	480.950.481	362.811.886
Thu nhập khác	412.452.814	1.765.772.961
	12.309.889.618	2.787.130.301

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại từ nhượng bán, thanh lý kho, tài sản hợp tác	-	7.499.172.769
Các khoản bị phạt	120.086.035	529.278.758
Chi phí khấu hao không đủ điều kiện là chi phí hợp lý, hợp lệ	106.220.000	106.220.000
Chi phí khác	543.321.618	1.260.039.811
	769.627.653	9.394.711.338

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(143.223.314.150)	(135.581.218.726)
Các khoản điều chỉnh tăng	63.124.588.653	11.749.226.396
- Chi phí không hợp lệ	63.107.090.143	11.327.836.015
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	17.498.510	421.390.381
Các khoản điều chỉnh giảm	(281.741.033.224)	(166.500.891.829)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(9.080.000.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(6.764.390)	(17.498.510)
- Chuyển lỗ các năm trước	(281.734.268.834)	(157.403.393.319)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(361.839.758.721)	(290.332.884.159)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	-	-
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	2.406.849.959	1.071.190.538
Thu nhập tính thuế TNDN	2.406.849.959	1.071.190.538
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	481.369.992	214.238.108
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(481.369.992)	(214.238.108)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	481.369.992	214.238.108
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(141.297.834.183)	(134.724.266.296)
Các khoản điều chỉnh	(164.451.596)	(564.076.142)
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(164.451.596)	(564.076.142)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(141.462.285.779)	(135.288.342.438)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.539.226	13.539.226
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10.448)	(9.992)

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.274.326.784	-	2.778.413.718	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	502.517.964.919	(93.098.045.090)	443.962.973.488	(45.937.881.668)
Các khoản cho vay	450.000.000	-	350.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	172.281.569.834	(3.692.366.334)	175.358.609.834	(52.612.134.034)
Đầu tư dài hạn	15.100.000.000	(2.259.487.230)	6.700.000.000	(207.081.058)
	694.623.861.537	(99.049.898.654)	629.149.997.040	(98.757.096.760)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	679.361.597.161	686.410.549.450
Phải trả người bán, phải trả khác	203.136.045.704	131.738.789.018
	882.497.642.865	818.149.338.468

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	168.589.203.500	-	-	168.589.203.500
Đầu tư dài hạn	-	12.840.512.770	-	12.840.512.770
	168.589.203.500	12.840.512.770	-	181.429.716.270
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	122.746.475.800	-	-	122.746.475.800
Đầu tư dài hạn	-	6.492.918.942	-	6.492.918.942
	122.746.475.800	6.492.918.942	-	129.239.394.742

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.274.326.784	-	-	4.274.326.784
Phải thu khách hàng, phải thu khác	409.319.919.829	100.000.000	-	409.419.919.829
Các khoản cho vay	450.000.000	-	-	450.000.000
	414.044.246.613	100.000.000	-	414.144.246.613
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.778.413.718	-	-	2.778.413.718
Phải thu khách hàng, phải thu khác	389.525.091.820	8.500.000.000	-	398.025.091.820
Các khoản cho vay	350.000.000	-	-	350.000.000
	392.653.505.538	8.500.000.000	-	401.153.505.538

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính Văn phòng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	650.845.597.161	28.516.000.000	-	679.361.597.161
Phải trả người bán, phải trả khác	192.494.544.798	10.641.500.906	-	203.136.045.704
	843.340.141.959	39.157.500.906	-	882.497.642.865
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	647.894.549.450	38.516.000.000	-	686.410.549.450
Phải trả người bán, phải trả khác	121.106.178.612	10.632.610.406	-	131.738.789.018
	769.000.728.062	49.148.610.406	-	818.149.338.468

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính Văn phòng này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khác		-	9.988.800.000
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Liên kết	-	9.988.800.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	553.072.000	929.411.572
Trong đó thu nhập của Tổng Giám đốc	389.463.000	556.932.090

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính Văn phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Thu Hương
Người lập



Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

